| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH THUẬN**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **21**/2022/DS-ST
Ngày: 19-4-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phượng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Trần Văn Kiêu

2.Phan Thị Cẩm

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:33A/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấphợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:39/2022/QĐXXST-DS ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐ-TA ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1943; địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày*:

Vào ngày 29/12/2020 âm lịch (ngày dương lịch là 10/02/2021) ông có cho ông C vay số tiền là 6.000.000đồng, không có làm biên nhận nợ, thời hạn vay là vài

tháng trả lại. Các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 300.000đồng/tháng, ông C đã trả tiền lãi cho ông được 02 tháng từ ngày 10/02/2021 đến ngày 10/4/2021 với số tiền là 400.000 đồng, sau đó ông không có nhận thêm lãi, ông không yêu C gì đối với số lãi đã nhận.

Tại đơn khởi kiện ông B yêu C ông C trả nợ gốc là 6.000.000 đồng, yêu C ông C trả lãi suất từ ngày 10/4/2021là 8 tháng với số tiền là 2.400.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 8.400.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông yêu C ông C trả nợ gốc là 6.000.000 đồng, yêu C trả lãi từ ngày 10/4/2021 cho đến ngày xét xử là 12 tháng 09 ngày nhưng ông chỉ yêu C trả lãi suất là 12 tháng theo mức lãi suất là 20%/năm với số tiền lãi là 1.200.000 đồng, ngoài ra không yêu C gì thêm.

*Tại bản tự khai ngày 12/4/2022 bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày*:

Bị đơn ông C thừa nhận có vay nợ của nguyên đơn ông B số tiền nợ gốc là 6.000.000đồng vào ngày 29/12/2020 al (tức ngày dương lịch là ngày 10/02/2021), vay nợ không có biên nhận. Các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 300.000đồng/tháng. Ông có trả lãi cho ông B 04 tháng với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, việc trả lãi ông không có giấy tờ gì chứng minh, ông không yêu C gì đối với số tiền lãi đã trả cho ông B. Nay ông đồng ý trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 6.000.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất là 20%/năm từ ngày 10/4/2021 cho đến thời điểm xét xử, nhưng do khó khăn nên xin trả dần nhiều lần.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu*:

*Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền, số tiền gốc là 6.000.000 đồng và lãi suất nguyên đơn yêu C theo quy định của pháp luật dân sự là 20%/năm; việc xác lập hợp đồng, trả lãi bằng hình thức thỏa thuận bằng lời nói, không có văn bản nhưng đều được đương sự thừa nhận, không có tranh chấp gì nên được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, về lãi suất phát sinh trước khi nguyên đơn khởi kiện thì các bên cũng không có yêu C gì nên đề nghị không xét; xét về yêu C của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật là do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ đã thỏa thuận, bị đơn cũng thống nhất trả nợ theo yêu C (nhưng xin trả dần, nguyên đơn không đồng ý) nên yêu C của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Do bị đơn có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sựtiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn yêu C bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản " theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án " Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn ông C có nơi cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung:* Các bên đều thống nhất có sự việc bị đơn ông C đã vay của B số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng. Sự việc các bên thừa nhận nêu trên nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 *(quy định các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh)* của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án công nhận đó là sự thật.

Về số tiền trả lãi phía nguyên đơn ông B xác định chỉ có nhận tiền lãi của ông C số tiền là 400.000 đồng, còn bị đơn ông C thì xác định trả lãi cho ông B là 1.200.000 đồng, các bên không ai yêu C gì đối với số lãi đã trả. Việc ông C trả lãi cho ông B nêu trên không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, bị đơn ông C xác định ông không yêu C gì đối với số tiền lãi đã thanh toán cho ông B nên không xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông B yêu C bị đơn ông C tiếp tục trả lãi cho ông từ ngày 10/4/2021 cho đến ngày xét xử là 12 tháng theo mức lãi suất là 20%/năm với tổng số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Xét thấy,bị đơn ông C đồng ý trả lãi theo mức lãi suất là 20%/năm, mức lãi suất 20%/năm ông B yêu C phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*), Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*), Điều 468 *(quy định về lãi suất)* của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu C khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị

đơn ông C trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 6.000.000 đồng, lãi suất là 1.200.000 đồng.

Xét yêu C xin trả dần của bị đơn nhưng không được ông B chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở ghi nhận.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu C thi hành án nếu ông C không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

[5]*Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.200.000 đồng x 5% = 360.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39,Điều 92, Điều 147,Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1**. Chấp nhận yêu C khởi kiện của ông Lê Văn B về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản vớibị đơn ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn C trả cho ông Lê Văn B số tiền vay nợ gốc, lãi tổng cộng là 7.200.000 đồng (trong đó nợ gốc là 6.000.000 đồng, lãi suất là 1.200.000 đồng).

Kể từ khi ông B có đơn yêu C thi hành án nếu ông C không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**2.**Về án phí:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 360.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu C thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Nguyên đơn ông B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/4/2022). Bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Phượng**